

---

**XIN LƯU Ý:  
ĐÂY CHỈ LÀ BẢN CHÉP NHÁP  
CHƯA ĐƯỢC SỬ GIÁC NGUYÊN HIỆU ĐỈNH.  
QUÝ PHẬT TỬ TẠM THỜI CÓ THỂ DÙNG LÀM  
TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU CHO RIÊNG MÌNH.  
XIN TRÁNH IN ẤN PHỔ BIẾN.**

---

Kinh Thanh Tịnh

<blockquote>Kalama tri ân bạn buithibuukim ghi chép.</blockquote>

[13/03/2022 - 10:09 - buithibuukim]

KINH THANH TỊNH

Chúng ta bắt đầu vào bài Kinh số 29 của Trường Bộ. Trường Bộ Kinh có tất cả 34 bài mà chúng ta đã học hết 28 bài. Còn 6 bài. Chúng tôi xin thưa thêm là sau khi giảng xong Trường Bộ, chính quý vị quyết định là sẽ nghe tiếp bộ Kinh nào. Chúng ta đã học xong Tương Ưng rồi, sắp sửa kết thúc Trường Bộ thì tiếp theo sẽ là Tăng Chi hay Tiểu Bộ là tùy ở quý vị.

Bây giờ mình học bài 29: Kinh Thanh Tịnh.

Chú giải cho biết rằng thời Đức Phật có rất nhiều tông phái tín ngưỡng. Đặc biệt trong đó có 6 tông phái lớn, là Lục đại môn phái. Trong đó phái Ni Kiên Tử là một trong 6 phái lớn. Quan điểm tư tưởng của 6 phái này được nhắc đến tương đối đầy đủ trong Kinh Sa Môn Quả (Trường Bộ Kinh) chúng ta đã học rồi. Ở đây chúng tôi chỉ nhắc sơ.

Nigantha là tên của giáo phái này. Tàu dịch là Ly Phệ hay Ly Phục. Họ chủ trương làm ác thì bị khổ, làm thiện thì được vui. Nghe qua thì giống Phật Pháp nhưng khác ở chỗ họ chủ trương cực đoan trong vấn đề tu tập. Nghĩa là họ hạn chế việc đào đất, quét tước, tưới tẩm cây cỏ vườn tược. Họ nói mình sống càng hoạt động nhiều chừng nào mình càng có cơ hội làm tổn thương các loài chúng sinh khác.

Khi ông giáo chủ Nigantha này chết thì môn đồ ông chia làm hai phe: phe Digambara (Thiên y). Phái này nói mình sanh ra hình hài ra sao thì cứ để vậy cho đến chết, chớ không quần là áo lụa gì hết. Phái thứ hai là Setambara (Bạch y), mặc toàn đồ trắng không thêu. Bởi họ nói mặc đồ còn phải nhuộm cũng là cơ hội làm tổn hại chúng sanh khác. Muốn nhuộm mình phải có thuốc nhuộm, rồi phải nấu nước, phải nhóm lửa, rồi có củi, rất nhiều chuyện. Họ nói ăn, mặc, ở phải ở trong điều kiện đơn giản nhất, vì họ chủ trương mình càng nhiều nhu cầu sẽ càng có cơ hội làm phiền chúng sanh khác. Dĩ nhiên đây là một cách nghĩ cực đoan. Bởi có ai trên đời này từ bi hơn vị Chánh Đẳng Giác. Nhưng ngay cả vị Chánh Đẳng Giác các ngài cũng không chủ trương cực đoan như vậy.

Chúng ta biết sau khi một đệ tử lớn của ông Nigantha này đến gặp Phật với mục đích vấn nạn và được Đức Phật cảm hóa. Upali trở về thưa chuyện, kể lại với sư phụ nghe tất cả cuộc đối thoại của mình, đồng thời kín đáo xác nhận rằng kể từ bây giờ trong lòng ông Đức Phật mới là bậc Đạo sư số một. Ông giáo chủ giờ xuống số hai rồi. Trong Kinh nói ông nghe như vậy ông uất khí xung thiên bị trào máu mồm ra. Chính vì chuyện trào máu mồm vậy dẫn đến ông lâm bạo bệnh. Có một điều ông giáo chủ này là một người rất biết chuyện. Ông trào máu vì trong một phút cơ đồ sự nghiệp một đời của ông tan nát. Nhưng trong giây phút cận tử sắp đến ông còn chút tỉnh táo để ông thấy rằng giáo lý của ông là ‘aniyyanika’, nghĩa là ‘không thể dẫn đến giải thoát’. Ông thấy rằng chuyện ông mất mát mọi thứ là điều đáng tiếc, điều không nên xảy ra. Nhưng ông cũng ngầm hiểu rằng tông phái ông, giáo lý ông không giúp được ai hết. Và ông chân thành thiết tha mong mỗi nguyên cái đám

giáo chúng ông quay về với Đức Phật. Tôi nhớ tôi đã lấy tình tiết này viết nên câu chuyện ‘Lãng Minh’ trong ‘Chuyện phiếm thầy tu’.

Thì trước khi ông mất ông mới kêu mấy đệ tử vô, chia thành hai đợt. Đợt đầu ông nói rằng cái gì trên đời này cũng là phù du, lúc có lúc không; nhưng cái tôi của mỗi người thì đời đời bất diệt. Có một cái tôi làm thiện và một cái tôi được hưởng vui. Có một cái tôi làm ác và một cái tôi chịu khổ. Cái tôi đó đời đời không mất. Nhưng tới cái đám đệ tử thứ hai vô thì ông nói khác. Ông nói rằng cái gì có mặt trên đời này cũng vô thường hết, đúng như lời sa môn Gotama nói.

Tại sao ông cố ý làm động thái lạ lùng như vậy? – Bởi ông muốn nội bộ đệ tử xảy ra sự chia rẽ, vì ai cũng nghĩ mình được đích thân sư phụ trao truyền yếu chỉ tông môn, thế là nội bộ rạn nứt. Ông nghĩ nếu bây giờ mình kêu mọi người về với Đức Phật thì có thể phản tác dụng. Bởi vì ‘Cầm vàng mà lội qua sông. Vàng rơi không tiếc tiếc công cầm vàng’. Một đời theo đuổi mối quan hoài về chính trị, tôn giáo, xã hội. Đùng một cái một sớm mai hồng có người kêu mình rũ bỏ hết để đi theo một đường lối khác thử hỏi chúng ta có đủ cam tâm hay không! Chuyện đó không dễ đâu quý vị. Nhiều khi biết nó sai đó nhưng lòng chưa sẵn sàng. Đây cũng vậy. Thì thôi bây giờ ông làm cho môn đồ giáo chúng chia rẽ nhau thì tự động trong cơn rối rắm đó họ sẽ tìm về bên đồ chỗ nương. Và xét về mặt giáo lý thì Phật giáo gần với giáo phái Ni Kiên Tử nhất. Cho nên ông biết chắc sẽ có một số người về với Phật. Chuyện đại khái vậy.

Thì đúng như ông dự tính, sau khi ông mất đệ tử chia ra hai phe. Một phe không mặc gì hết là nhóm Thiên Y. Nhóm thứ hai là Bạch Y cũng theo tinh thần tu học của ông và mặc đồ trắng. Hôm nay chúng ta sang Ấn Độ sẽ gặp đầy đủ hai tông phái này, phái mặc đồ trắng và phái không mặc gì hết mà hôm nay gọi là Jain. Chữ ‘Jain’ xuất phát từ chữ ‘Jina’ – là tên giáo chủ. Đặc biệt nữa là chữ ‘Jina’ = chữ ‘Buddha’ = người chiến thắng. Ông Jina này còn có một tên nữa là Mahavira = anh hùng. Đây cũng là một trong những hồng danh của Đức Phật.

Chuyện nữa là hôm nay về Ấn Độ chúng ta sẽ gặp vô số những bức tượng y hệt tượng Đức Phật mình: tóc thì xoắn, trên đỉnh đầu có nhục kế, mặt mũi trang nghiêm, hiền lành từ bi, minh triết. Khác một điều là bức tượng đó không có mặc gì hết. Các vị vào Google đánh chữ Jain sẽ thấy giống y hệt, y chang nghe, như tượng Phật mình vậy đó. Xếp bằng cũng có, đứng cũng có, nằm cũng có, gọi là một bức tượng Phật hoàn hảo, có một điều là không mặc gì hết. Đó chính là tượng của ông giáo chủ Nigantha.

Bây giờ là nội dung quan trọng bài Kinh.

Từ đoạn số 4 -> số 7 có nội dung như sau:

Nếu sư phụ là một người không có đường lối tu hành ngon lành mà đệ tử lại cùc cung tận tụy trung thành thì đó là điều đáng tiếc. (4 điều tôi gom lại thành 2 điều). Nếu giáo chủ không có cương lĩnh giáo lý tốt thì sự trung thành và tinh tấn của môn đồ giáo chúng là đáng trách.

Nếu đó là hệ thống giáo pháp ngon lành (nghĩa là dẫn đến giải thoát) thì sự tinh tấn của đệ tử là đáng khen.

Bên Tàu chúng ta cũng biết có từ ‘ngu trung’. Ngụ trung có nghĩa trung thành một cách thiếu thông minh. Ta cũng biết khi đã đi sai đường thì ta đi càng nhanh thì càng rời xa mục đích chừng đó.

Ngược lại, nếu đi đúng hướng, ta đi càng nhanh thì mình càng gần mục đích. Từ đoạn 4 tới đoạn 7 là nội dung trên.

Đoạn 8 và 9:

Nếu một vị đạo sư có giáo lý ngon lành và có người kế thừa thì vị Đạo sư đó có ra đi thì mọi sự vẫn tiếp tục duy trì ở tình trạng tốt như cũ, các đệ tử không có gì phải âu lo.

Nhưng nếu một giáo pháp ngon lành mà không có người kế thừa thì sự ra đi của bậc Đạo sư lại là dấu chấm hết cho đoàn thể đó.

Như vậy hai đoạn 8 và 9 này có nội dung rất sâu. Trong rất nhiều lần Đức Phật dạy thế này: “Này các tỳ kheo, hãy học tập 37 Phẩm trợ Đạo (phẩm trợ Bồ đề: Thất Giác Chi, Ngũ căn, Ngũ lực, Tứ chánh cần, Tứ như ý túc, Tứ Niệm Xứ). Hãy học tập và hành trì vì lợi ích cho bản thân, vì lợi ích cho nhân, thiên, trời người.”

Đặc biệt có câu kết thế này: “Đừng có trở thành người tối hậu sau ta”.

‘Tối hậu’ nghĩa là ‘last one’. Có nghĩa là Phật đi rồi, các vị tỳ kheo, tôn túc cao đồ cũng tịch luôn thì giáo Pháp coi như chấm hết. Đó là một điều rất đáng tiếc cho chúng sinh, nhân thiên ba cõi.

Ngài rất nhiều lần nói câu đó. Quý vị có thể vào Google, đánh ‘Chớ thành người tối hậu sau ta’ thì Google sẽ dẫn quý vị tới những bài Kinh có câu này. Trong văn hóa VN cũng có câu: “Con hơn cha là nhà có phúc”. Chúng ta dĩ nhiên không thể nào bằng được Đức Phật thì sao có thể hơn. Nhưng ít ra chúng ta có thể giữ lại những gì bậc Đạo sư để lại tùy theo khả năng của mình. Chớ còn không gì bậy cho bằng gia tài của ông cha thì tuyệt vời mà con cháu không khả năng duy trì, thì đó là điều rất đáng tiếc.

Trong Kinh có nói đến ba hạng con, mà tôi lấy làm tiếc là người Việt Nam mình cả trăm triệu mà năm nào cũng như năm nào đến rằm tháng bảy thì theo văn hóa của Tàu tổ chức Vu Lan. Mà trong khi đó Vu Lan hiểu theo tinh thần của cứ cho là Phật giáo Tàu đi, thì cứ cho đó là ngày tưởng nhớ cha mẹ, cứu huyền thất tổ. Thì chúng ta hãy nhớ rằng ngày nào cũng là ngày chúng ta tưởng nhớ ông bà cha mẹ hết, chớ không cứ riêng gì ngày đó. Cho nên cứ đợi tới Vu Lan mới trả hiếu thì đó là một chuyện đáng tiếc. Cái đáng tiếc thứ hai nữa là trong ngày Vu Lan mà cứ nhằm chuyện Mục Liên Thanh Đề mà kể hoài. Nó còn tang thương chỗ nữa là các chùa Bắc Tông kể thì mình không ưc. Đàng này có không ít những vị Pháp sư Nam Tông mà cứ rằm tháng bảy là cứ lôi chuyện Vu Lan, chuyện nào là con phải hiếu thảo cha mẹ bla bla bla. ... Trong khi đó, có vấn đề này mà tôi gần như không nghe, không thấy quý vị nhắc tới. Theo tôi, muốn nhắc tới cha mẹ quý vị nên nhắc tới ba hạng con này đây:

1- Hạng avajata là con thua cha mẹ. Các vị đừng tưởng tôi lạc đề. Ở đây đức Phật dạy rằng ‘Chớ thành người tối hậu sau ta’, tức là sau khi ta đi rồi các con tiếp tục ở lại tìm người kế thừa. Từ chỗ này chúng tôi mới nói đến ba hạng con.

2- Hạng thứ hai là anujata: con bằng cha mẹ.

3- Hạng thứ ba là adhiyata: con hơn cha mẹ.

Ở đây các hàng tứ chúng đệ tử Thế Tôn dứt khoát không cách nào hơn Phật được rồi – tôi nhấn mạnh lần nữa. Ngài Xá Lợi Phất không cách chi bằng Đức Phật được hết. Tuy nhiên trong tinh thần tu học và kế thừa thì chúng ta phải nhớ đến ba hạng con này.

Chúng ta không cách nào hơn Đức Phật mà ít ra chúng ta đừng để cách xa Ngài nhiều quá. Ngài chủ trương tu học hành trì 37 Phẩm trợ Đạo, mà nếu hôm nay Ngài đi mất rồi thì người còn ở lại cũng thường xuyên canh cánh đau đầu trong lòng ba hạng con này để mình không cô phụ tấm lòng của Ngài. Có rất nhiều người khi nghĩ về Đức Phật họ nghĩ bằng cái đầu duy lý. Họ nghĩ Ngài là bậc tối tôn, là vô thượng, Ngài là số một bla bla bla ... Nhưng khi nghĩ nhiều chuyện đó mình quên chuyện khác. Cái đó là lý thôi, còn cái tình nữa. Đứng Đức Phật là người đáng để mình tôn thờ thần tượng. Tôi nhắc lại, Đức Phật là đáng tối tôn đáng vô thượng đáng để mình tôn thờ tôn kính. Khoảng cách giữa Ngài với chúng ta rất là xa. Tuy nhiên còn một cách nghĩ khác về Đức Phật nữa. Tôi nghĩ rằng tuyệt đối không thể quên, đó là ngoài chuyện khả kính ra Đức Phật đáng là người để mình phải thương phải yêu bằng tất cả tấm lòng.

Cách đây 4 a tăng kỳ về trước, lẽ ra nếu Ngài đòi nguyện, Ngài đừng nghĩ tới cái đám của mình bây giờ là Ngài đã đi lâu rồi. Mà Ngài nghĩ đến chúng ta hôm nay – Chúng ta đây là tôi và quý vị đang ngồi trong room này nè – chớ không phải ai hết. Chính mình nè. Ngài nghĩ đến mình, trong đó có mình, tôi bảo đảm 1.000% có mình. Các vị đi hỏi các bậc tôn túc, tôn kính coi có đúng vậy không. Ngài nghĩ đến chúng sinh đời sau. Cho nên lẽ ra Ngài đã chứng La Hán, Thánh Văn Ngài đi mất rồi. Nhưng Ngài nghĩ: Luân hồi là cái dòng sông. Có người dư sức lội qua sông một mình. Có người có thể đóng bè đóng tàu để mà đi. Còn có kẻ chỉ muốn mãi mãi ở lại bờ này, hạng này mình không nói tới chi. Nhưng cái hạng muốn qua sông dư sức bơi một mình và đã chọn cách bơi một mình qua bên kia bờ. Hạng thứ hai muốn qua bên kia bờ nhưng không đành lòng, không cam tâm mà đi một mình, mà phải đóng bè đóng tàu càng lớn càng tốt để chở theo người khác. Đó chính là vị Chánh Đẳng Chánh Giác.

Phật Độc Giác là muốn đi, muốn bơi một mình. Phật Toàn giác muốn qua sông chở theo nhiều người khác. Thế là vì tâm nguyện đóng tàu đó mà suốt 4 a tăng kỳ không biết bao nhiêu lần Ngài vào sinh ra tử, lên rừng xuống biển, bao nhiêu lần chết đói, đi lạc trên hoang đảo sa mạc, núi cao

rừng thẳm. Bao nhiêu lần bị chết chém chết cháy chết đuối. Bao nhiêu lần bị giam, bị tù ngục. Rồi bao nhiêu lần bị đói lạnh, bệnh hoạn, đói không có cơm ăn, bệnh không có thuốc uống, lạnh không có áo quần, không có nhà cửa. Dòng luân hồi mà quý vị. Dòng luân hồi, bao nhiêu lần bị oan ức, bao nhiêu lần chết thẳm trong dòng sanh tử. Máu mà Ngài đổ ra trong dòng sanh tử nhiều như sông. Thịt xương mà Ngài đổ ra hành ba la mật nhiều như rừng như biển như núi. Mà rồi thì sao? – Cuối cùng, thành Phật chỉ trụ thế 45 năm thôi. Mà biết được cái này thương lắm quý vị: những ngày Ngài đi độ người ta, ôm cái bát đứng trước mặt nghe người ta chửi, chửi tan nát. Chửi xong chờ người ta lắng cái cơn xuống Ngài nói một câu cho người ta đắc quả. Rồi ôm bát về bữa đó đói. Nghe, chuyện đó rất bình thường, bình thường lắm! Chưa hết, một người 80 tuổi, đêm cuối cùng sắp đi rồi, mà cũng vì lòng từ bi với một con người cũng xa lạ chưa biết mặt, mà tới đó để cho người ta thấy mặt mình, để mình độ cho họ đắc A La Hán. Quý vị nghĩ coi: một người 80 tuổi, thân mình không có lo mà đi lo nghĩ đến người ta như vậy! Chưa hết đâu. Biết là khuya nay mình đi, biết là mình ăn cái này vô sẽ bị trọng bệnh mà phải ăn. Ăn xong rồi còn dặn là cái phần dư lại đừng để ai ăn hết. Phải đem đi đổ bỏ bởi vì người khác ăn cái này vô sẽ bị bệnh. Rồi còn dặn dò ngài A Nan đủ điều: Mai này ta đi rồi, nếu người cúng bữa cơm đó, ông Cunda mà ông nghe người ta nói rằng vì bữa ăn đó mà Thế Tôn lâm trọng bệnh thì hãy an ủi ông. Nói ông rằng trong đời Thế Tôn có hai bữa ăn công đức vô lượng: là bữa ăn của nàng Sujata trước khi Bồ tát thành Đạo và thứ hai là bữa ăn của ông thợ rèn Cunda trước khi Thế Tôn Niết bàn. Hãy nói cho ông biết bữa ăn của ông là một trong hai bữa ăn mà công đức không sao nghĩ bàn. Các vị tưởng tượng khuya nay mình đi rồi mà giờ này còn dặn dò đủ thứ chuyện mà toàn là chuyện người ta không. Một con người như vậy, một nhân cách như vậy, một tấm lòng như vậy, một trái tim như vậy! Đúng! Đức Phật là người đáng kính, nhưng Ngài còn là người để mình thương, mình yêu như yêu cha yêu mẹ.

Cho nên chuyện mình tu tập là chuyện cho mình, không mắc gì Ngài. Chuyện tu hay không tu là chuyện của mình. Nhưng phải nói đọc bài Kinh mình thấy thương chớ, xúc động chớ.

Khi bài Kinh này được thuyết giảng lúc đó Thế Tôn gần viên tịch rồi, cận kề lắm rồi, mà Ngài nhắc: “ Các người may mắn có bậc Đạo sư là vị Chánh Đẳng Chánh Giác, người được cơ hội như vậy mà không nỗ lực tu hành thì đó là điều rất đáng tiếc. Trường hợp đó là một người đệ tử đáng bị chê trách”. Người ta có đạo sư không ra gì thì không nói. Đẳng này có một Đạo sư như là Như Lai, nếu mà để đuôi không tinh tiến tu tập thì đó là điều đáng trách.

Ngài còn dặn kỹ một điều nữa, là cho dầu Giáo Pháp có xuất sắc đến cỡ nào đi nữa; cho dầu bậc Đạo sư có xuất sắc đến cỡ nào đi nữa, nhưng nếu các đệ tử không có người kế thừa thì sự ra đi của bậc Đạo sư sẽ để lại khoảng trống không sao lấp đầy được.

Chúng ta biết rồi, giá trị của một con người lớn bằng khoảng trống mà người đó để lại sau khi người đó vắng mặt. Đúng vậy. Giá trị của Thế Tôn là vô bờ bến, bởi vì Ngài đi rồi Ngài để lại trong vô lượng thế giới một khoảng trống không sao lấp đầy. Chúng ta đọc lại trong Kinh Đại bát Niết Bàn sẽ thấy. Trong đêm cuối cùng chư thiên mười muôn triệu vũ trụ về lạy Phật. Trong đó có nhiều người cách đây 80 năm họ đã có lòng muốn xuống gặp Phật mà họ cứ ầu ơ ví dầu. Cuối cùng ngày mà họ xuống gặp Phật được là đêm cuối. Họ đều có câu nói giống nhau: ‘Đêm nay là đêm cuối cùng Đức Như Lai sẽ vĩnh viễn ra đi không bao giờ trở lại nữa’. Đặc biệt như vậy!

Cho nên nếu gặp được bậc Đạo sư như vậy mà chúng ta không biết tranh thủ mà trở thành người ‘tối hậu’, thành người sau cùng biết được Ngài thì đó là điều rất đáng tiếc. Ngài tu hành tới 20 a tăng kỳ mà Ngài hoằng Đạo chỉ 45 năm thôi, mà Ngài dạy rõ các vị tỷ kheo “Đừng bao giờ trở thành người tối hậu sau ta” là vậy đó.

Tiếp theo, nguyên đoạn sau Đức Phật Ngài xác nhận rằng ngày hôm nay (hôm nay tức là lúc Ngài giảng Kinh này) thì Ngài đã có các đệ tử tăng và tục, xuất gia và cư sĩ có đủ kinh nghiệm, có đủ nhận thức, có đủ trí tuệ đức hạnh để kế thừa đoạn đường Ngài để lại. Tức là Ngài đã dắt người ta đi rồi. Đi rồi đoạn đường vẫn còn người kế thừa. Và chúng ta đọc kỹ thấy thương lắm. Ngài dạy rằng cả đời ta ta chỉ dạy 37 Phẩm trợ Đạo thì các vị hãy tiếp tục. Mai này dầu ta không còn nữa thì tiếp tục học tập. Gặp nhau là luận bàn, cùng nhau hành trì.

Từ đoạn 17 trở đi chúng ta thấy có cái này rất quan trọng. Ngài cho biết trước, sau này sẽ có lúc trong anh em sẽ có những bất hòa về giáo lý. Tức là tôi thấy như vậy mà you không thấy như vậy

thì này các tỳ kheo trong trường hợp đó phải ngồi lại với nhau để xác định xem sự khác biệt đó là trên từ ngữ hay là trên ý nghĩa. Nhớ nghe: từ ngữ hay là trên ý nghĩa. Nếu xét thấy sự khác biệt đó là về ý nghĩa, về tinh thần giáo lý thì cùng nhau ngồi lại để mà thương thảo. Còn nếu đó là sự khác biệt về từ ngữ thì hãy nhớ rằng đó là chuyện nhỏ mà thôi.

Có thể nói rằng bài Kinh này nếu chúng ta đọc bản dịch của ngài Minh Châu chúng ta có tâm cảm khác. Nhưng nếu bài Kinh này mà mình đọc chậm mình ghi cái note xuống mình thấy bài Kinh này nội dung rất là đặc biệt. Đó là ở trên Ngài xác nhận rằng một giáo lý mà có nội dung giải thoát thì tinh tấn là điều cần thiết. Một giáo lý mà có nội dung tào lao thì sự tinh tấn chỉ là điều đáng tiếc.

Tiếp theo Ngài dạy rằng với một hệ thống giáo lý hoàn hảo thì rất cần có người kế thừa.

Tiếp theo Ngài dạy rằng trên quan điểm nhận thức, tiếp nhận và hành trì giáo lý, trao đổi giáo lý thì chúng ta chỉ nên quan tâm vấn đề ý nghĩa và nội dung mà thôi.

Tôi nhớ tôi có kể bà con nghe một câu chuyện. Là có một bà hành giả người VN bà có thói quen lạ lắm. Bà đang đi kinh hành chung với mấy người nữa. Đang đi vậy tự nhiên bà thụt lùi. Thay vì đi tới tự nhiên bà thụt lùi. Trong room nghe hiểu không ta? Mấy người bạn tu bên cạnh thấy lạ mới hỏi bà. Nói chứ thấy kỳ quá mà hông dám hỏi, bữa nay hỏi thiệt bà nghe. Tại sao cùng đi kinh hành mà lâu lâu thấy bà đi lùi là sao? Bà trả lời: Tại vì thiền sư dạy rồi, khi mình thất niệm đó thì mình cứ làm lại từ đầu coi như chưa có gì xảy ra! Thì bà hiểu ‘làm lại từ đầu’ đây có nghĩa mình đang đi mà mình quên niệm thì mình phải thụt lùi trở lại để mình niệm! Các vị nghe có chịu nổi không? Bà hiểu như vậy đó. Lẽ ra làm lại từ đầu không có nghĩa là đi thụt lùi. Thí dụ mình đi tới cái bước thứ 118 – 19 – 20 – 21 mà trong bốn bước đó mà tôi quên niệm thì cái bước 122 trở đi bắt đầu tôi niệm trở lại giống như chưa hề thất niệm. Cái đó là làm lại từ đầu, đằng này bà lùi trở lại để bà niệm. Bà còn trích dẫn thiền sư nữa!

Chưa hết, có một chuyện mà tôi kể hoài, bữa nay tôi kể lại nghe. Chuyện có thiệt. Là một bà mẹ người VN mình nè, bà dắt một thằng bé đi vô cái tiệm tạp hóa. Thằng bé đòi mẹ nó mua cho nó ba bốn lon nước nó thích. Bà má kêu nó lấy đi rồi bà trả tiền. Trong lúc bà má trả tiền thì nó đứng ở đây nó khui một lúc 4 lon luôn. Má nó hét hồn, má nó hỏi con uống mấy lon mà con khui hết tron vậy? Nó trả lời nó nói Mam không thấy ở trên lon họ để open here. Open here có nghĩa là mình mua ở đây mình mở hết ở đây luôn! Các vị trong room có nghe kịp không? Cái chữ open here mà nó hiểu như vậy đó. Nó khổ chỗ này: thằng bé hiểu open here không có sai. Nó không sai mới ghê chứ. Nó vừa sai nó vừa đúng, mà nó vừa đúng nó vừa sai! Chữ ‘here’ nó hiểu theo cái nghĩa là ‘this grocery’ = ngay cái tiệm này nè. Còn chữ ‘here’ người lớn hiểu là ngay cái chỗ này trên cái lon!

Thì ở đây Kinh điển cũng vậy. Đức Phật Ngài dạy rằng khi giữa anh em với nhau mà có một sự mâu thuẫn, có một trục trặc trong tranh luận thì phải ngồi lại thương thảo. Ngồi lại để trao đổi bàn luận xem sự khác biệt đó, sự mâu thuẫn, trục trặc, lẩn cấn đó thuộc về từ ngữ hay ý nghĩa. Nếu xét theo giáo lý mà nó không có gì tương phản với Kinh thì ok. Trong Kinh Đại Bát Niết Bàn Đức Phật có nhắc lại chuyện này: “Khi giữa các tỳ kheo nổ ra cuộc tranh luận thì các người phải xem coi những điều hai bên tuyên bố, coi quan điểm của hai bên có tương ứng với Kinh, có tương đồng với Luật hay không. Nếu nó không tương ứng với Kinh, không tương đồng với Luật thì điều đó phải xét lại. Còn nếu họ nói cách gì đi nữa mà nó không phản lại tinh thần của Giáo Pháp thì ok.

Tiếp theo Đức Phật ngài còn dạy một điều nữa là : Này các tỳ kheo, những điều ta giảng dạy cho các người rất có thể có người nghĩ rằng Thế Tôn dạy một cái Pháp xa vời, một cái Pháp đâu ở trên mây. Trong đây có nói thế này, đoạn 22:

“Này các tỳ kheo, ta không chỉ thuyết giảng để ngăn chặn lậu hoặc. Không chỉ thuyết giảng để các người đối phó với phiền não mà ta còn thuyết giảng để giúp cho các người có một đời sống an lạc nữa”.

Đoạn 22 này tôi xin chân thành thiết tha đề nghị các vị nào mà xưa giờ cứ cầm đầu cầm cổ ôm bản tiếng Việt thì chỗ này các vị phải ngó kỹ lại: “Này Cunda, ta không thuyết giảng chỉ để ngăn chặn các lậu hoặc trong hiện tại hay trong tương lai mà thôi. Này Cunda ta thuyết pháp vừa để ngăn chặn các lậu hoặc ngay trong hiện tại mà cũng để diệt trừ các lậu hoặc trong tương lai”.

Tôi biết rõ mười mười trong room này, nhiều người cứ thấy chữ ‘lậu hoặc’ cứ tưởng lậu hoặc là phiền não là chết, nghe! Chữ ‘lậu hoặc’ có hai nghĩa: một là phiền não. Hai là những tuế toái phiền

phức, những cái bất tiện, những cái khổ thân khổ tâm trong đời sống thì cũng được Đức Phật gọi là những lậu hoặc. Nếu bà con nào có lòng ngờ chúng tôi thì đề nghị các vị hãy giở lại Trung Bộ Kinh bài số 2 xem có phải như vậy không.

Đức Phật ngài dạy rằng chữ ‘lậu hoặc’ có hai nghĩa. Một là ám chỉ cho phiền não tham sân si, mà nó còn một nghĩa nữa là chỉ cho những khổ nạn mà vị tỳ kheo gặp phải trên đường tu học. Thí dụ như nắng gió, mưa sương, côn đồ ác đảng, thú dữ, hầm hố gai góc trên đường đi khất thực... thì tất cả những phiền phức đó cũng được gọi là lậu hoặc. Cho nên đoạn 22 này cần phải được hiểu như sau:

“Này các tỳ kheo, ta không chỉ thuyết pháp, ta không chỉ dạy dỗ, ta không chỉ hướng dẫn cho các người cái phương thức đối phó phiền não, mà ta còn tạo ra cho các người một điều kiện sống, một điều kiện vật chất để sống thoải mái ngay trong hiện tại, để tránh những khổ nạn không cần thiết”.

Bài Kinh phải được diễn dịch như vậy đó. Ở đây Ngài nói rất rõ, ngoài chuyện dạy cho các người 37 Phẩm trợ Đạo, Như Lai còn có quan tâm rất nhiều đến đời sống vật chất của các tỳ kheo. Đó là gì? – Như Lai quan tâm đến 4 nhu cầu vật chất thiết yếu tối thiểu của một người sống hạnh không nhà, không thân thích. Đó là Như Lai quan tâm làm sao các người khi đói có cái ăn, khi lạnh có cái mặc, khi nắng mưa có chỗ trú thân và khi bệnh hoạn có thuốc men chữa trị. Rõ ràng Đức Thế Tôn có quan tâm đến chuyện đó. Lát nữa, dưới đây có đoạn Kinh mà nếu chỉ biết ôm cái bản dịch tiếng Việt thì không tài nào hiểu được chỗ đó. Mà hồng lễ giờ tôi đi quảng cáo tôi thì nó kỳ, chớ cái lớp này của mình nếu mà không có, nhiều bà con đọc Kinh Tạng thì chảy máu mắt mà không hiểu nói cái gì. Chẳng hạn cũng bài Kinh này, chỗ đoạn dưới nói thế này:

“Này các tỳ kheo, Utthaka con của Ramaputta từng có một cái như sau thấy mà không thấy. Rồi ông ta mới ví dụ như con dao ta thấy được lưỡi dao, thấy được cán dao mà không thấy được cái bén của nó trừ phi ta sử dụng nó, ta sờ vào chỗ bén của nó. Còn nếu lấy mắt mà nhìn thì ta chỉ thấy được con dao mà không thấy được cái bén của nó. Này các tỳ kheo, Ramaputta dùng thành ngữ ‘thấy mà không thấy’ để chỉ cho con dao. Mà riêng ta, ta muốn dùng chữ đó để chỉ cho Giáo pháp của ta. Giáo pháp của ta có những điều mà người ngoài lấy mắt nhìn vào không thấy, nhưng mà khi có dần thân tu tập hành trì thì mới cảm nhận được những điều mà ta không sao lấy mắt mà nhìn được”.

Đây, tôi đem đoạn dưới lên tôi giải thích chỗ này. Nếu các vị là một tỳ kheo hoặc là một người có thời gian tu học nghiên cứu Tam Tạng Kinh điển thì sẽ thấy một điều rất thú vị, rất ly kỳ: bên cạnh việc Đức Phật ngài để lại cho mình Tạng Kinh, tạng A Tỳ Đàm, tạng Luật, và tất cả những gì Ngài dạy trong Tạng Luật, trong tạng A Tỳ Đàm là để khai mở tâm lòng u tối của mình, để bỏ vô minh, phiền não, tham ái, tà kiến, nghi hoặc. Đó là pháp môn tu hành cho tinh thần. Nhưng nếu các vị có hành trì, có nghiên cứu Luật Tạng thì các vị thấy một chuyện đặc biệt nữa. Là tất cả những gì Đức Phật ban hành cho vị tỳ kheo thì Ngài bảo đảm cho vị tỳ kheo hai chuyện: về tinh thần thì các người có một hệ thống giáo lý ngon lành để tu học, để hướng đến giải thoát; còn về đời sống vật chất cái này chỉ có người hành trì mới tin.

Tức là Đức Phật trong giáo Pháp của Ngài có những cái xuất sắc mà mình không thể lấy mắt mình nhìn được, mà chỉ cảm bằng trí thôi. Thí dụ, như khi Ngài ban hành giới luật cấm tỳ kheo không được giữ cái này, không được cất cái kia, không được sờ hữu cái nọ, bla bla bla ...rồi bắt tỳ kheo phải đi đứng ăn uống như thế nào, cư xử nói năng như thế nào, tiếp xúc, giao tế với cư sĩ phải như thế nào...Nếu lấy mắt mà nhìn thì phải nói là một hệ thống giáo lý rất là khó khăn, rất gắt gao, rất khó gặm! Nhưng có một điều mà chính Ngài cũng nói rõ ‘Ta để lại một giáo pháp không chỉ về tinh thần mà còn về vật chất cho các người’ là sao?

Các vị có tin không? – Một người đàn ông, một cậu thanh niên không đẹp trai lắm, có một ngoại hình ngoại diện khó ngấm. Nhưng nếu làm đúng lời Phật, y áo trang nghiêm, cư xử phải phép chừng mực thì tự nhiên vị đó trở nên một người có sắc diện đáng kính. Đó là sự thật. Lạ như vậy! Chưa hết, rõ ràng Đức Phật không có cho vị tỳ kheo tích lũy tài sản, nhưng nếu vị tỳ kheo hành trì đúng như những gì mà Ngài đã quy định, đã ban hành trong Tạng Luật, làm đúng những gì trong Tạng Kinh, A Tỳ Đàm thì vị đó một đời ăn không hết. Lạ như vậy đó. Đó là chuyện mình không thể lấy mắt mà nhìn được, mà phải ở trong cuộc mới biết.

Tại sao tôi đang giảng cái này mà phải đi xa như vậy để các vị thấy đặc biệt chỗ đó. Tôi nói theo Kinh chứ không phải nói theo chúng tôi nghe. Tôi nhắc lại:

Đức Phật không chỉ đơn giản là dạy cho mình con đường tu hành giải thoát phiền não mà Ngài còn sắp xếp, Ngài biết rất kỹ là nếu vị tỷ kheo mà làm đúng như lời của Ngài dạy thì coi như vị đó ăn một đời cũng không hết. Chỉ cần giới luật trong sạch, kiên vững đầy đủ, nếu mà đắc Thiền đắc Đạo thì số một khỏi nói. Còn nếu chẳng may không đắc được gì hết, chỉ cần có chánh tri kiến, có giới hạnh thanh tịnh thì một đời ăn không hết, cho dầu vị đó sống ở cái chỗ khi ho cò gáy, ‘chó ăn đá gà ăn muối’ cũng không sao hết.

Cho nên trong đoạn 22 này nói ‘Ta lo lắng chẳng những về tinh thần mà cả vật chất cho các người nữa’. Nha, đặc biệt lắm!

Ngài dạy kỹ lắm. Tức là những ai hoàn toàn mù tịt về Phật Pháp, không biết giáo pháp nói cái gì, cũng không biết gì về hệ thống tăng già của Đức Phật, và cũng chẳng biết gì về hệ thống truyền thừa thì cứ đọc bài Kinh này là có hết. Ngài dạy rầy kỹ. Chẳng hạn như ở đoạn 23:

“Này các tỷ kheo, nếu có ai đó nhìn thấy các người có vẻ an lạc, có vẻ sung sướng rồi họ nói xấu các người. Họ nói rằng các vị sa môn thích tử của sa môn Cồ Đàm chỉ biết tu hưởng, chỉ biết tu sướng thôi thì đừng có lấy đó làm phiền mà hãy giải thích cho họ nghe thế này: Đúng, chúng tôi tu rất là hạnh phúc. Chúng tôi tu rất là sung sướng. Nhưng cái sung sướng của chúng tôi nó không đi đến từ đời sống vật chất mà nó đến từ đời sống thiền định”.

Trong Kinh Tăng Chi nói có một lần vua Pasenadi vào hầu Phật. Ông nói : “Bạch thế Tôn, con lấy làm lạ là tại sao đệ tử Thế Tôn có đời sống vật chất hạn chế, mà sao con gặp vị nào vị nấy vẻ mặt sáng trưng hả”. Đức Phật dạy: “Này đại vương, có chắc là đại vương thấy an lạc trong một ngày một đêm hai ngày hai đêm hay không?”. Vua nói ‘Dạ không, trong một khoảnh khắc thôi là con đã không sure là con được an lạc. Nhiều khi con muốn cười lắm nhưng chuyện triều chính, rồi chuyện của tam cung lục viện nhiều khi nó ám con. Con muốn cười một chút cũng không cười nổi nữa, thì nói gì là một ngày an lạc’. Phật nói Như Lai và các đệ tử Như Lai thì hoàn toàn có thể an lạc như mình muốn. Các vị muốn an trú cái gì thì các vị an trú trong đó. Cho nên Như Lai và các đệ tử Như Lai an lạc được trong một ngày, hai ngày, năm ngày, bảy ngày như ý. Đó là điểm khác biệt giữa người có hành trì và không có hành trì. Đó chính là lý do vì đâu đại vương nhìn thấy các tỷ kheo có đời sống vật chất rất khiêm tốn, rất là hạn chế, thậm chí cơ cực, bần hàn nữa nhưng vị nào cũng thấy an lạc hết.

Vì đời sống tinh thần ok thì những thiếu thốn, những khoảng trống về vật chất lập tức nó không đáng kể. Cho nên nếu có ai nói tu hành là hưởng thụ thì các người nói không sai. Nhưng chúng tôi hưởng cái gì? – Chúng tôi hưởng thụ niềm tịnh lạc ngay trong nội tâm chứ không phải hưởng thụ theo kiểu ngoài thế gian.

Đức Phật Ngài dạy rõ nữa nếu chỉ là tu thiền Samatha thôi thì còn an lạc nói chi một người có tu tập cả Vipassana để thành tựu 4 tầng thánh Sơ, Nhị, Tam, Tứ quả.

Tiếp theo, nếu có ai đó nói các vị tỷ kheo sống không có lập trường. Có nghĩa sống rày đây mai đó. Về tình cảm thì không có quan hệ rõ ràng. Về trú xứ cũng không có một nơi chốn rõ ràng. Nói chung, đời sống một vị tỷ kheo nguyên thủy không có một chút ràng buộc nào hết. Thì Đức Phật ngài dạy nếu có ai đó nói các người không lập trường thì các người phải nói thế này. “Không phải chúng tôi không có lập trường mà chúng tôi không có sự ràng buộc thì đúng hơn”. Có một sự khác biệt rất lớn giữa cái lập trường và cái ràng buộc. “Chúng tôi không có sự ràng buộc về bất cứ gì”.

Vì sao? – Các vị trong room làm ơn nhớ cái này quan trọng: Khoa học là gì? Khoa học là nghi ngờ và thử. Trong Phật Pháp cũng y chang như vậy. Người mà tu học đúng mức không bao giờ thấy rằng chỗ mình đứng là chỗ tốt nhất. Đó là người biết cách tu học. Trong đời sống, một đời sống thông minh chỉ có chữ ‘better’ chứ không bao giờ có chữ ‘best’. Các vị nhớ nghe chỉ có cái tốt hơn chứ không có cái tốt nhất. Tôi nhớ tôi nói không biết là bao nhiêu lần cái này. Nếu các vị hỏi tôi chứ ‘Theo Sư, nội dung Phật Pháp là gì?’ thì tôi sẽ có cách nói rất là lạ. Nội dung Phật Pháp là hướng tới cái better, never best. Là sao?

Tham- sân- si mà so với vô tham- vô sân- vô si thì vô tham vô sân vô si là better. Sân hận, cộc cằn, thô lỗ, nhỏ mọn mà đem so với lòng vị tha, bao dung, yêu thương, từ tâm thì cái từ tâm, yêu thương

nó là better. Rồi vô minh, tà kiến, ngã mạn mà đem so với trí tuệ, chánh kiến thì mình thấy chánh kiến nó better. Như vậy đời tu của mình lúc nào cũng hướng tới cái tốt hơn, nhưng đừng bao giờ đại đột nghĩ rằng mình đang ở cái tốt nhất. Theo tôi trong tự điển người tu Phật phải bỏ chữ 'best'. Bởi vì đừng bao giờ nghĩ tới cái tốt nhất, mà luôn luôn nghĩ tới chữ 'tốt hơn' cho đến bao giờ mình chết thì thôi. Nghe! Quan điểm tu học một người hành trì đúng lời Phật là luôn luôn ở trong tình trạng hướng tới mọi cái khác cao hơn.

Ở đây sự an lạc của tỷ kheo có nhiều cách: sự an lạc do Giới, sự an lạc do Định và sự an lạc do Tuệ, sự an lạc do thành tựu Sơ, Nhị, Tam, Tứ thiền, sự an lạc có được do sự thành tựu Sơ, Nhị, Tam, Tứ quả. Từng bước từng bước đi lên, nhưng nhớ cái quan trọng nhất là luôn luôn nghĩ tới cái tốt hơn chớ không bao giờ nghĩ đến cái tốt nhất.

Đoạn 27:

Ngài xác nhận một điều nữa là nếu có người nghi ngờ Thế Tôn về Túc mạng minh, về Quá khứ trí và Vị lai trí thì Ngài xác định rằng Ngài có điểm đặc biệt như sau: ngoại đạo không biết Phật Pháp nếu đắc thiên thì chỉ nhớ tối đa là 40 đại kiếp. Bồ tát đã được thọ ký thì có thể nhớ được tối đa là 80 đại kiếp. Còn vị Độc Giác thời gian hành ba la mật là 2 a tăng kỳ và 100.000 đại kiếp thì cái sức nhớ quá khứ và sức quán tương lai của vị này cũng chỉ giới hạn trong 2 a tăng kỳ và 100.000 đại kiếp. Riêng hai vị thượng thủ Thinh Văn thì thời gian hành ba la mật là một a tăng kỳ 100.000 đại kiếp cho nên sức nhớ các vị này cũng chỉ quán quanh trong một a tăng kỳ 100.000 đại kiếp. Còn bà Da Du Đà La mặc dù là Thinh Văn nhưng tu theo Bồ tát, bà tu 4 a tăng kỳ nên cũng có sức nhớ 4 a tăng kỳ, bà nhớ chuyện hồi dưới chân đức Phật Nhiên Đăng. Riêng vị Chánh Đẳng Chánh Giác hạnh tinh tấn là 80 a tăng kỳ, hạnh đức tin là 40 và hạnh trí tuệ là 20 a tăng kỳ. Tuy thời gian hành ba la mật là có giới hạn nhưng khi thành Phật rồi thì sức nhớ về chư Phật Chánh Đẳng Giác về quá khứ và khả năng nhìn về tương lai không có giới hạn. Đó là chuyện mình phải nhớ.

Nhưng trong bài Kinh này, đoạn 27 có một chi tiết rất là đặc biệt. Ngài xác nhận có thể nhớ không giới hạn về quá khứ, nhưng thay vì xác nhận mình có thể soi rọi vô số kiếp vị lai, thì ở đây Ngài lại có cách nói rất bất ngờ: 'Kiếp này tịch xong là hết'.

Các vị thấy cách nói này đặc biệt không? Chú giải nói "Thế Tôn tác ý đến bao nhiêu, nghĩ đến bao nhiêu thì nhớ đến bấy nhiêu". Nhưng ở đây Ngài chọn cách nói rất đặc biệt: Về quá khứ thì Như Lai có thể nhớ không giới hạn, còn về tương lai thì thay vì Ngài cũng có thể nói 'Như Lai có thể nhớ một cách không giới hạn' thì Ngài lại không nói. Ngài nói là: "Về quá khứ thì Như Lai có thể nhớ không giới hạn, còn về tương lai thì Như Lai biết rằng kiếp này tịch xong là hết". Đó là điểm rất đặc biệt!

Trong bài Kinh này Đức Phật có nhắc đến những điều đặc biệt sau đây:

Chư Phật chỉ nói ra điều gì dựa trên bốn tiêu chí sau đây:

- 1- Luôn nói sự thật.
- 2- Luôn nói điều hữu ích.
- 3- Luôn nói đúng lúc.
- 4- Luôn nói bằng từ tâm.

Chư Phật luôn nói sự thật là, cái gì mà chư Phật đã nói ra thì sự thật nó là như vậy chớ nó không có khác đi được.

Luôn nói điều hữu ích: là có những sự thật mà nó không có lợi ích. Thí dụ một Phật tử tới thăm ông sư và hai thầy trò có thể ngồi cả tiếng nói chuyện với nhau về cách trồng lan, trồng bông sai. Đó là những chuyện đúng sự thật nhưng theo tiêu chí thứ hai này thì sai vì nó không là điều hữu ích cho con đường giải thoát.

Luôn nói đúng lúc: ai là những bậc cha mẹ thì biết mình thương con, muốn nhắc nhở con muốn dạy con thì phải lựa lúc lựa khi. VN mình có câu 'Trời đánh tránh bữa ăn', nhưng nhiều người có tật lúc bình thường không la mà hễ thằng con mới cầm đũa lên thì lôi ra nói. Chuyện đó có thiệt. Nói vậy là phi thời. Chư Phật thì luôn luôn nói điều đúng sự thật. Luôn luôn nói điều lợi ích và thứ ba nữa là nói đúng lúc đúng thời. Điều thứ tư là chư Phật luôn luôn nói bằng từ tâm.

Ở đây Thế Tôn định nghĩa chữ 'Như Lai':

- 1- Không gì nhân thiên biết mà Ngài không biết.



2- Trộn đời chỉ nói chân lý.

3- Nói sao làm vậy và ngược lại (làm sao thì nói vậy).

4- Không ai trong nhân thiên có thể hơn được Ngài về bất cứ mặt nào trong thiện pháp và trí tuệ.

( Từ đây về sau chúng tôi nói gọn thôi, chúng tôi đem phần sau trộn chung lại nghe).

Đoạn cuối Kinh này xác định rằng một người học hiểu Tứ Niệm Xứ một cách đàng hoàng thì không thể mắc vào những quan điểm tri kiến vớ vẩn vô ích và nguy hiểm về bản thân và thế giới nói chung.

(Đó, nội dung bài Kinh là vậy. Nếu ngay bây giờ mà tôi đóng sách lại không giảng nữa thì quý vị cũng học xong bài Kinh).

Vì sao đoạn cuối bài Kinh nói vậy? Kinh Tứ Niệm Xứ dạy mình cái gì? – Kinh Tứ Niệm Xứ trước hết dạy về Bốn Đế:

- Khổ đế: Mọi hiện hữu là khổ. Tất cả những gì ta thấy được, nghe, ngửi, nếm, đụng được trên đời này nó đều là khổ.

- Tập đế: Sự thật về khổ thứ hai là nếu mọi thứ ở đời là khổ thì bất cứ cái gì ta đam mê cũng đều là đam mê trong khổ. Đam mê cái gì cũng là đam mê trong khổ do thích trong khổ nên mới đầu tư thêm khổ.

- Đạo đế: là hành trình nhằm chán khổ để chấm dứt Tập đế.

- Diệt đế: khi sự nhằm chán đã đúng mức thì sự đam mê sẽ vắng mặt. Niết bàn là sự vắng mặt của tất cả niềm đam mê.

Ở bước sơ cơ ta học hiểu rằng thiện là nhân lành cho quả vui. Ác là nhân xấu cho quả khổ.

Ở bước tiếp theo hành giả thấy rằng buồn vui đều là khổ nên thiện ác đều là nhân khổ, trực hay gián tiếp mà thôi.

Tuy vậy ta tiếp tục lánh ác làm thiện theo tinh thần Tứ Niệm Xứ, nghĩa là LÀM MÀ KHÔNG NẶNG LÒNG TỰ THI, chỉ xem việc tu học như chuyện uống thuốc chữa bệnh mà thôi. Hành giả Tứ Niệm Xứ biết đây là thiện, đây là bất thiện, đây là khổ, đây là vui, biết rõ. Nhưng không vì thấy mình tu tập tiến bộ rồi sanh tâm kiêu ngạo vì xem tu học chỉ là uống thuốc chữa bệnh mà thôi.

Thì với một người nhận thức được như vậy không biết chừng nào đắc, nhưng trước mắt họ không còn kẹt vào mấy cái tà kiến mà trong Kinh này vừa kể (Như thấy thế giới này là thường, lạc, ngã, tịnh; thế giới này là vô biên hay hữu biên; thế giới này do mình tạo ra hay người khác tạo ra). Mà tất cả là do duyên hết.

Hành giả thấy rằng mỗi thứ trong đời đều do duyên tạo mà có. Có hai thứ duyên: trợ sinh và trợ lực. Khi hết duyên thì cái gì cũng mất đi. Ngay đến bản thân sự mất còn của cái này cái nọ cũng là duyên, vì chúng khiến cái gì đó có mặt hay mất đi. Thí dụ chủ cũ phải bán nhà thì chủ mới mới vô ở được. Phải ly dị người cũ mới cưới người mới được. Cho nên sự vắng mặt của cái này nó là điều kiện cho cái kia có mặt.

Rồi có trường hợp chính vì cái này có mặt nên cái kia mới có mặt.

Rồi có trường hợp cái này vắng mặt cái kia mới có mặt, mà A Tỳ Đàm gọi là Ly khứ duyên (Vô hữu duyên) là nhiều khi chính sự vắng mặt của cái này nó là điều kiện cho cái kia có mặt.

Tiền sanh duyên: Có trường hợp cái này giúp cho cái kia bằng cách nó có mặt trước.

Hậu sanh duyên: có trường hợp cái này giúp cho cái kia có mặt bằng cách nó có mặt sau. Chính vì chiều nay có đám cưới nên chỗ này bây giờ đang được trang hoàng. Đám cưới là nguyên nhân nhưng xuất hiện sau. Trang hoàng là quả nhưng có mặt trước.

Câu sanh duyên (đồng sanh duyên): như cô dâu và chú rể cùng lúc có mặt, cùng lúc trao nhẫn cùng lúc nâng ly thì mới làm đám cưới được.

Như vậy thế giới này là nơi gặp gỡ của các duyên. Ngoài duyên ra không còn gì hết. Thì hành giả thấy là cái gọi rằng Tèo rằng Tý, là nam nữ, đực cái trổng mái, hạnh phúc đau khổ, niềm vui hay nụ cười, thấy tất cả trăng sao hoa lá, kinh rạch, chim muông thú vật, côn trùng, con người, bla bla .. đều do duyên mà có.

Duyên là gì? – Là duyên trợ sinh trợ lực. Nó chưa có làm cho có là trợ sinh. Trợ lực là nó có rồi mà làm cho nó phát triển mạnh lên, vững vàng hơn.

Nói theo chuyên sâu hơn thì: các pháp giúp nhau bằng cách có mặt. Các pháp giúp nhau bằng cách vắng mặt. Các pháp giúp nhau bằng cách cùng có mặt.

Đức Phật ngài dạy rằng nếu một vị tỳ kheo hay một tu sĩ mà có tu tập, có học hiểu có hành trì Tứ Niệm Xứ như trên thì họ không còn có cơ hội để bị vương kẹt trong vô minh, trong tà kiến, trong hoài nghi, bla bla bla... Đó chính là nội dung Kinh Thanh Tịnh.

Chúc các vị một ngày vui. Ngày mai chúng ta sẽ gặp lại nhau và học tiếp./.

---

**XIN LƯU Ý:  
ĐÂY CHỈ LÀ BẢN CHÉP NHÁP  
CHƯA ĐƯỢC SỰ GIÁC NGUYÊN HIỆU ĐỈNH.  
QUÝ PHẬT TỬ TẠM THỜI CÓ THỂ DÙNG LÀM  
TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU CHO RIÊNG MÌNH.  
XIN TRÁNH IN ẤN PHỔ BIẾN.**

---

[www.toaikhanh.com](http://www.toaikhanh.com)